

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DS-ST
Ngày: 30-5-2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thuận

Ông Phạm Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh L tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thụ lý số 06/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: 201-203 Đường C Phường B Quận B Thành phố H.

- Bị đơn : Ông H.T. P

Sinh năm : 1998

Địa chỉ: 3/123 ấp C xã N thành phố T tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 23 tháng 01 năm 2019, ông H.T. P đã ký với Ngân hàng N hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, mục đích: hoàn vốn mua bất động sản phục vụ mục đích tiêu dùng, lãi suất: 12%/năm và được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần, phương

thức trả nợ: nợ gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo giấy nhận nợ, lịch trả nợ. Trong quá trình giao dịch, ông H.T. P đã trả tiền nợ gốc 5.556.000 đồng vào ngày 01 tháng 3 năm 2019. Sau đó, ông H.T. P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến nay, ông H.T. P còn nợ N Bank tiền nợ gốc là 994.444.000 đồng, tiền lãi và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do vậy, N Bank khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông H.T. P phải trả cho N Bank tiền nợ gốc là 994.444.000 đồng, tiền lãi và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày ông P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đến nay theo lãi suất đã thỏa thuận giữa các bên là 609.792.699 đồng. Đồng thời, yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo quy định.

Bị đơn Huỳnh Tuấn Phát đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần N (N Bank) với ông H.T. P đã xác lập hợp đồng vay tài sản. N Bank cho ông H.T. P vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, mục đích: hoàn vốn mua bất động sản phục vụ mục đích tiêu dùng, lãi suất: 12%/năm và được điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần, phương thức trả nợ: nợ gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo giấy nhận nợ, lịch trả nợ. Trong quá trình giao dịch, ông H.T. P đã trả tiền nợ gốc 5.556.000 đồng vào ngày 01 tháng 3 năm 2019. Từ ngày 01 tháng 3 năm 2019, ông H.T. P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho N Bank. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần N khởi kiện. Theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Theo văn bản xác minh của Công an xã Lợi Bình Nhơn hành phố Tân An tỉnh L, ông H.T. P có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại 3/123 ấp Cầu Tre xã Lợi Bình Nhơn thành phố T tỉnh L. Tòa án thành phố T đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H.T. P không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời, nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo “Hợp đồng tín dụng dự nợ giảm dần số 0057/2019/925-CV ngày 23 tháng 01 năm 2019”, “Giấy nhận nợ số 01/GNN-0057/2019/925-CV” ngày 25

tháng 01 năm 2019 và “Phụ lục C1 lịch trả nợ” có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng vay tài sản, có lãi, có kỳ hạn.

[4] Do bị đơn không tham gia tố tụng nên các chứng từ mà nguyên đơn cung cấp được xem là chứng cứ chứng minh việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó, ông H.T. P phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho N Bank theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Cụ thể tổng số tiền là 1.756.362.025 đồng. Gồm:

- Tiền nợ gốc: 994.444.000 đồng
- Tiền lãi và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2022: 761.918.025 đồng

[5] Mặc dù hợp đồng vay tài sản chưa đến hạn cuối. Tuy nhiên, do ông H.T. P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên theo thỏa thuận tại khoản 8 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng đã nêu, việc N Bank yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ trả tiền là phù hợp nên được chấp nhận. Đồng thời, Biện pháp đảm bảo được thực hiện đúng theo quy định nên tài sản đảm bảo được xử lý theo quy định.

[6] Biện pháp đảm bảo được thực hiện đúng theo quy định nên tài sản đảm bảo được xử lý theo quy định.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng, ông H.T. P phải chịu. Tuy nhiên, Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do vậy, ông H.T. P phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N 7.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Ông H.T. P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: 36.000.000đ +3% (1.756.362.025đ - 800.000.000đ = 64.690.861 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự, Khoản 2 Điều 3 và Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 272 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông H.T. P trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N: 1.756.362.025 (một tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng. Gồm:

- Tiền nợ gốc: 994.444.000 đồng
- Tiền lãi và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2022: 761.918.025 đồng.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp số 0047/2019//925-BĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Thanh Hóa tỉnh L vào ngày 23 tháng 01 năm 2019 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ông H.T. P hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N chi phí thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng.

Về án phí: Ông H.T. P chịu án phí sơ thẩm là 64.690.861 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn 30.063.550 đồng tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002001 ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T tỉnh L).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Chi cục thi hành án dân sự
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thảo